

Một Kiếp Người

B.S. Phùng Văn Hạnh

Cách mạng Mùa Thu 1945, tiếp theo là Toàn quốc kháng chiến 1946, là những thời điểm mà thế hệ lưu vong trên 70 tuổi nhớ đến với nhiều nỗi đau thương, ngậm ngùi. Riêng tôi kỷ niệm tản cư những năm kháng chiến chống Pháp thật khó quên. Gia đình tôi bỏ làng ở tỉnh Quảng Nam, chạy vào tận Bình Định. Lúc đầu sống ở Bồng Sơn sau dời lên Hội Yên, và sống ở đó cho đến ngày hồi cư về làng cũ. Một kỷ niệm khó quên là **sông Lại Giang**. Sông xuất phát từ thung lũng An Lão, chảy ra cửa biển Bàu Tượng, xuyên qua các cánh đồng phì nhiêu quận Hoài Ân, Hoài Nhơn. Về mùa đông, con sông thu hẹp, cạn dòng, trừ khi lũ lụt. Trái lại mùa nắng, mức nước sông lên cao, chảy chậm lại vì cứ độ một cây số thì có hệ thống dẫn thủy nhập điền gọi là “bờ xe gió” hay “dàn xe gió”(noria): vào đầu Xuân, thành đập chắn, dồn nước vào một lạch chảy xiết sát bờ. Một giàn chùng 5 đến 10 bánh xe đặt ngang qua lạch. Giàn là một kiến trúc giống như sườn một căn lầu hai tầng gồm những cột gỗ đóng sâu vào lòng lạch, và những xà ngang dọc, nối kết vào cột, bằng dây mây. Giàn có nhiều ngăn, và trong mỗi ngăn là một bánh xe. Xà ngang nâng bánh xe có khắc lốt sắt cho trực tựa vào. Mỗi bánh xe, có trục gỗ bịt sắt hai đầu, từ đó các nan gỗ dài 3m tỏa ra nâng vành có bề ngang 1m. Tất cả đều ghép lại bằng những sợi mây, do những thợ chuyên nghiệp làm. Những tấm vỉ tre cản nước 1m X 1m, được cột, cách khoảng đều đặn, vào đầu mút nan, sát vành. Nước đẩy những tấm vỉ làm bánh xe quay trên trục. Các ống tre lồ ô, có đáy là mắt tre, và có miệng hướng lên cao khi vành xe được nâng lên khỏi mặt nước sông, cột nghiêng 45 độ trên vành, mức nước. Lên đến đỉnh, ống tre nằm ngang, trút nước vào các máng xối dẫn nước vào ruộng. Giữa các bờ xe gió, là những hồ nước xanh biếc, phẳng lặng. Bờ cừ cũng chừa một lối hẹp ở giữa dòng sông cho đò dọc đi lại.



Hội Yên là một làng nông nghiệp ven sông Lại Giang, có xưởng dệt vải Ba-ta (của dân tản cư từ Phú bông, Quảng Nam vào), có xưởng giấy sản xuất loại giấy màu vàng sẫm (vì thiếu hóa chất tẩy bột giấy), có Ủy Ban Kháng Chiến Miền Nam (UBKCMN) trấn đóng, nên cuộc sống ở đây có phần náo nhiệt. Với tôi, Lại Giang thay thế Thu Bồn nơi quê cũ, cũng đây áp kỷ niệm thiếu thời: tắm sông, chèo thuyền... Kháng chiến chống Pháp bước vào năm thứ sáu. Liên khu 5 từ Đèo Hải Vân vào đến Bình Thuận, gồm cả Cao Nguyên Trung Phần là một quân khu lớn. Từ Đèo Cả vào Nam, toàn bộ Cao Nguyên, và hơn nửa tỉnh Quảng Nam mạn Bắc, là vùng xôi đậu hoặc hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của Pháp, và chính quyền Quốc gia thời Bảo Đại, nhất là các thị xã, quận lỵ, và thành phố. Vùng hoàn toàn do UBKC Liên khu 5 kiểm soát gồm nửa tỉnh Quảng Nam mạn Nam, tỉnh Quảng Ngãi và Phú Yên.



Năm 1952 Liên quân Pháp và Bảo an Đoàn, trong chiến dịch Atlante, đổ bộ lên Qui-Nhơn, và Tuy hòa, (thành phố bỏ ngõ do tiêu thổ kháng chiến), rồi lan tỏa ra các vùng phụ cận, thu hẹp phạm vi kiểm soát của UBKC. Vợ chồng Bác sĩ Hoa, làm việc ở Bệnh viện Song Thanh, gần Qui-Nhơn, phải di tản ra làng Hội Yên. Họ tá túc trong nhà ông Chánh Bích, một địa chủ giàu có trong làng. Trang trại ông Bích là một khu vườn rộng lớn gần một mẫu tây, có hàng rào xương rồng dày, kín, vây bọc bốn phía. Cổng vào là một ngôi nhà nhỏ, lợp ngói, khép lại bằng hai cánh cửa lim. Tiếp theo cổng là lối đi vào nhà, giữa hai hàng dâm bụt cắt xén đẹp mắt, và những chậu hoa lớn, trồng đủ thứ hoa nhiều màu, thơm ngát. Bóng mát những cây ăn quả làm lối đi mát rượi. Rồi lối đi rợp mát, khách bước vào sân gạch rộng lớn, chan hòa ánh sáng, mà vào mùa gặt dùng để phơi lúa. Một dãy nhà dài, lợp ngói đỏ, có hàng hiên rộng, làm thành chữ U, bọc hai bên và chính diện sân. Vườn sau dãy nhà là thế giới êm mát, rợp bóng cây ăn quả.

Gia đình tôi đã thuê một góc vườn, dựng một mái nhà tranh để ở. Chính vì thế mà tôi có dịp gần gũi hai ông bà Bác sĩ Hoa. BS Hoa đã tốt nghiệp Y khoa, đại Học Paris năm 1942. Vợ ông, bà Khương Băng Tuyết, tốt nghiệp viện Quốc gia Âm Nhạc Paris khoa Dương cầm cùng năm ấy. Ông, quê Đà Nẵng, con một phú thương. Cha ông có tàu buôn lớn, chở hàng đi về các cảng Sài gòn, Hải Phòng, Vinh, và là chủ nhân những dãy phố cho thuê, dày đặc ở Đà Nẵng. Bà quê Sài gòn cũng con một đại phú gia. Hai người đã quen biết nhau ở Paris, trong một buổi họp mặt sinh viên du học, và một tình yêu lớn đã nảy nở, trong khung cảnh lãng mạn của kinh đô hoa lệ nhất Châu Âu. Sau ba

năm say đắm, tràn đầy hạnh phúc, cộng với nỗi mừng vui đỗi đạt, công thành, danh toại, họ hồi hải về Việt Nam để thành hôn cuối năm 1942. Lễ cưới được cử hành ở Sài Gòn thật linh đình. Rước dâu về Đà Nẵng phải thuê bao cả hai toa tàu hạng nhất. Lễ ra mắt cô dâu ở họ nhà trai cũng linh đình không kém. Đám cưới xong, đôi tân hôn đi hưởng tuần trăng mật ở Ý, rồi ghé Paris để sống lại kỷ niệm thân thương. Ba tháng sau họ trở về Đà Nẵng. Nhưng không phải là để mở phòng mạch hành nghề. Cả hai ông bà đều là con một, và cùng kế thừa một sản nghiệp đồ sộ của đôi bên phụ mẫu đã qua đời vài năm sau. Các nghiệp vụ doanh thương đã có những gia nhân thân tín đứng cai quản, và hàng tuần báo cáo thu nhập. Vì thế BS Hoa thấy không phải hành nghề chi cho mệt, mà cùng vợ hưởng thụ cuộc sống thư nhàn, đi du lịch khắp nước, từ Bắc, chí Nam. Họ giao du rộng rãi và như Mạnh thường Quân, trong nhà lúc nào cũng đầy thực khách, và cả ba, bốn bàn tiệc. Nhưng biến cố năm 1945 dồn dập đến: Cách mạng Mùa Thu rồi Toàn quốc kháng chiến. Pháp trở lại tái chiếm Đà Nẵng. Ông Cử Diện, cha BS Hoa, xưa kia đã từ quan thời Pháp để xoay qua kinh doanh. Ông đã giúp đỡ rộng rãi phong trào yêu nước Đông du, cấp học bổng cho học sinh giỏi và có chí hướng, du học Pháp. Vì thế BS Hoa, cũng chẳng ưa gì chế độ thực dân, đã chọn lựa đi tản cư, khi thành phố lọt vào tay Pháp. Hai ông bà đã gói ghém vàng bạc, nữ trang đi vào tận Quảng Ngãi rồi Bình Định. Bà không quên mang theo đàn dương cầm, mà sự chuyên chở kèn cồng tốn tiền không ít. Ngày mà bà chờ dương cầm về Hội Yên, ít nhất phải sáu người lực lưỡng mới đem được đàn xuyên qua cổng nhà ông Chánh Bích.

Ở lứa tuổi 16, lối sống của ông bà BS Hoa thu hút trí tò mò của tôi. Ông lúc ấy độ 30 tuổi, nét mặt nghiêm nghị, thanh tú, trí thức. Bà khoảng 25, với vẻ đẹp quý phái, cân đối, khỏe mạnh, đúng như lời thơ ông tặng bà lúc mới quen nhau:

*...Xinh xinh sao thân nở đặng đầy
Xinh xinh sao đôi má hồng hồng
Xinh xinh sao nụ cười êm ái
Xinh xinh sao dáng đi quý phái
Xinh xinh sao vầng trán phẳng phiu
Xinh xinh sao mái tóc mỹ miều
Mái tóc xõa của tuổi xanh ngần ngắt
Và đôi mắt, ô đôi mắt
Là một trời tình tứ, ngây thơ
Ngước nhìn, anh những thần thờ,
Nàng tiên tiên kiếp, trong mơ đây rồi..*

Trong khi mọi người ăn mặc xuềnh xoàng với vải ta sẵn sùì, ông bà với áo quần vải vóc ngoại mượn mà, trắng tinh hoặc màu sắc óng ả. Ban ngày khi ông đi làm ở bệnh viện Liên khu cách Hội Yên một cánh đồng, bà ở nhà, làm bếp, trồng hoa, và nhất là đàn dương cầm cả giờ. Bà không đi chợ mua đồ ăn, mà gửi tiền, nhờ người khác mua. Để tránh con mắt tò mò, ông bà ít ra ngoài. Tháng hoặc có đi dạo trong làng thì lựa ban đêm, trên những hẻm mờ tối. Thấy tôi nghe lén bà đàn, bà nảy ý dạy tôi đánh đàn. Nhờ cách dạy tận tâm và có phương pháp, tôi tiến bộ nhanh. Tôi bước vào thế giới huyền diệu của âm thanh qua các bài menuet đơn giản nhưng réo rắt, những bài Songe d'été, Princesse Czardas, La prière d'une vierge, La chapelle au clair de lune, Lettre à Élise, v...v... điệu dàng thơ mộng. Những bài bà đàn thì rất khó và dài dặc của những nhạc sĩ cổ điển nổi danh, như Beethoven, Bach, Mozart, Chopin, Mendelssohn, Brahms, cùng rất nhiều nhà soạn nhạc khác mà tôi không nhớ hết. Tôi nghe tâm tình bà qua bài “sonate au clair de lune” của Beethoven, lúc xao xuyến, lúc hối tiếc, giận dỗi và sự thanh thản cuối cùng. Bà kể tôi nghe Beethoven lúc nhỏ đã bị cha xiềng chân vào đàn, để tập đánh đàn cả ngày cho giỏi. Bà cũng kể uy lực của âm nhạc qua chuyện nhạc sĩ này có cô học trò cũ đến thăm, thổ lộ ông nghe nỗi buồn vô vọng vì đứa con mới chết. Ông không nói gì, ngồi trước dương cầm, dạo những khúc nhạc êm ái đến nỗi một giờ sau, người học trò thấy lòng thanh thản trở lại, vui đi nỗi buồn mất con... Bà cũng kể khi mới về làm dâu, cha mẹ chồng nghe bà tốt nghiệp dương cầm, bèn bảo bà đánh đàn cho nghe. Ngồi trước phím đàn, bà e lệ:

- Thưa ba mẹ muốn con đàn bài gì?

Bà mẹ chồng âu yếm bảo:

- Con đàn sáu câu vọng cổ cho ba mẹ nghe.

Bà đã khóc thầm, trong bụng thấy tủi, vì công phu mình học thật quá thừa để đàn 6 câu vọng cổ đơn giản. Phải chi nói mình đàn sonate của Beethoven hay mazurkas của Chopin cho thỏa chí.

Qua những chuyện bà kể, qua đối thoại tâm tình của hai ông bà, tôi biết mỗi tình họ được xây đắp trong sự hài hòa, quên mình, lắng nghe nguyện vọng của nhau để đem lại niềm vui cho người mình yêu. Tôi biết được Paris có sông Seine chảy về hướng Tây (nước ta phần lớn sông đều chảy về Đông) và chia Paris thành hai phần Nam (tả ngạn), Bắc (hữu ngạn). Trung tâm thành phố là nhà thờ Notre Dame nằm trên cù lao giữa dòng sông Seine. Từ trung tâm ấy, Montmartre với đền thờ Sacré Coeur ở hướng Bắc. Hướng Nam là Montparnasse. Quảng trường Bastille ở hướng Đông. Tháp Eiffel cao vọi ở hướng Tây. Vì những cuộc hẹn hò trên các nẻo đường Paris, mà họ thuộc thành phố rộng lớn này như trong lòng bàn tay, chỗ nào có cà-phê ngon, chỗ nào có tiệm ăn Việt Nam, tiệm Mandarin bán tới con vịt số mấy. Họ tìm kỷ niệm nhiệt đới ở đường Cherche Midi. Họ đi trên “bateau mouche” để nhớ lại kỷ niệm chuyến đi trước. Họ lang thang trên những nẻo đường ngoại ô, tay cầm tay, nói không bao giờ hết chuyện lảm lảm như: -“trời hôm nay đẹp” -“ừ, trời hôm nay đẹp thật” -“anh có nhớ mình quen nhau lúc nào?”, -“Em có biết tôi qua, nhớ em không ngủ được” v...v... Những câu chuyện không đâu vào đâu, như tiếng líu lo của đôi chim tình tự, miễn là được bên nhau.

Ông Chánh Bích có một thuyền gỗ dài độ 10m. Giữa thuyền là một căn nhà nhỏ 3m X 4m có mái lợp cột che mưa nắng, có cửa sổ treo rèm hai bên, có cửa ra vào, dềng lái và dềng mũi. Trong nhà nhỏ có một bộ bàn ghế tiếp khách. Thời trước ông hay đi lại trên Lại giang, hoặc tiếp đãi bạn bè trên thuyền này. Nhưng từ ngày Cách mạng Mùa Thu, ông biết chính quyền không ưa gì lối sống tư sản, nên ông không dùng thuyền nữa, mà chỉ cho mượn đãi khách. Ông bà BS Hoa đã mượn thuyền để thưởng thức vẻ đẹp đêm trăng trên Lại giang, nhân kỷ niệm 10 năm thành hôn. Vì biết chèo thuyền nên tôi được tháp tùng hai ông bà. Hôm ấy cũng có BS Đồi, đi xe đạp trên 100km, từ Quảng Ngãi vào thăm. Chúng tôi 4 người, đọi hoàng hôn xuống, mới rời nhà ra bên xưởng giấy, mang theo đèn cầy, trà, bếp cồn cùng đồ ăn. Trăng rằm đã lên ở chân trời, tròn, sáng. Hàng dừa hai bên bờ sông, lá đung đưa theo gió, lấp lánh ánh trăng. Mặt nước phẳng lặng in trăng xuống đáy, lan tỏa những vòng vàng rực. Chúng tôi xuống thuyền. Tôi mở dây buộc thuyền và ra sau lái khua chèo, nhẹ nhàng đẩy thuyền ra giữa sông. Đến nơi tôi thả neo, giữ thuyền đứng yên một chỗ. Tôi giúp khiêng bàn ra dềng mũi, chúng tôi ngồi vào bàn, im lặng ngắm vẻ đẹp chung quanh: Bầu trời có ít vẩn mây, sâu thẳm. Trăng lên cao một ngọn sào trên chóp hàng dừa, tỏa ánh sáng bàng bạc trên sông. Dàn xe gió lấp lánh dưới trăng, nước đổ ra trên máng xối như những dòng bạc sáng lung linh. Tiếng nước đổ rào rào, tiếng trục xe gió mài trên đá nâng, rên rỉ kéo dài nghe thật buồn. Tình tự xa quê nhà vì tản cư, nổi khổ chiến tranh, làm chùng lòng mọi người. Bà BS Hoa lên tiếng trước phá tan im lặng:

- Tôi vào trong pha trà, nấu chè và sửa soạn thức ăn.”

Tôi vào giúp bà và để hai bác sĩ ngồi tâm sự với nhau. BS Đồi có mang theo một hộp phở mát Canembert và hai ổ bánh mì dài. Ông có người bà con, là gián điệp nhị trùng, đã lén mang những thức ấy từ Đà Nẵng vào cho ông. Vì muốn chia với bạn thân, ông phải giấu của “quốc cấm” ấy vào xách tay, và lặn lội đường xa. Tối hôm ấy, sau khi chúc vợ chồng BS Hoa tràn đầy hạnh phúc, chúng tôi bắt đầu ăn bánh mì với phở mát, mà gần 7 năm không được ăn, một món ăn không có gì đặc biệt ở Paris hoặc Đà Nẵng, song trong hoàn cảnh tản cư hiện tại, quả là ngon tuyệt, mặc dù bánh mì đã lâu ngày, không còn giòn và ngọt. Hai ông bác sĩ còn uống thêm rượu đế, để giải sầu. Sau đó tráng miệng với chè đậu xanh đánh, mùi vị rất ngon, mà bà BS Hoa đã nấu từ chiều với một “recette” đặc biệt. Cuối cùng là uống trà Bắc Thái, mà một cán bộ miền Bắc vào, tạ ơn BS Hoa đã chữa trị cho anh ta bệnh sốt rét. Trà ngon thơm, và làm mọi người tỉnh ngủ. Hai bác sĩ, ngồi giữa sông, không sợ tai vách, mạch rừng, đã phê bình những mưu toan UBKCMN che đậy dã tâm xích hóa cuộc kháng chiến, dành công đầu cho đảng Lao động, một đảng Cộng sản trá hình. Sự bất mãn của họ giải nghĩa vì sao họ trốn về thành, chùng sáu tháng sau cuộc gặp gỡ trên. Trăng đã xế về Tây lạnh lùng, xa vắng. Chúng tôi đi nghỉ. Hai vợ chồng BS Hoa trải chiếu nằm trong phòng nhỏ. Tôi và BS Đồi nằm dưới trăng ở mũi thuyền. Vì uống trà, tôi trần trọc, khó ngủ, và nghe vợ chồng BS Hoa to nhỏ, âu yếm. Đến gần sáng thì tôi chợp mắt ngủ.

Cũng nhờ có tiền, ông bà BS Hoa đã móc nối với ngư dân ở Tam Quan. Một ngày cuối tuần họ giả đi tắm biển. Trong đêm tối họ xuống thuyền buồm, ra khơi. Chuyến đi trót lọt, và hai ngày sau họ đã về đến bãi biển Sơn Chà. Trình diện với cơ quan an ninh thành phố xong, ông bà được bạn bè cũ đến bảo lãnh. Vì ngôi nhà cũ bị lính Pháp trấn đóng, ông bà phải lang thang sống nhờ người quen, đồng thời mướn luật sư, tìm cách lấy lại tài sản cũ. Lúc ra đi tản cư vội vã, không mang theo giấy tờ sở hữu nhà đất. Giấy tờ của sở nhà đất chính phủ cũng bị cháy rụi, lúc giao tranh trong thành phố. Các nhà cho thuê nay có chủ mới. Riêng những tàu buôn thì phần bị phá hoại, lúc Pháp tái chiếm cảng Đà Nẵng, phần bị trôi dạt mất tăm. Tài sản bên bà BS Hoa ở Sài Gòn lại càng khó thu hồi lại được, vì không tìm lại được gia nhân cũ, và những chứng từ sở hữu. Vì cứ định ninh sẽ trở về lối sống nhàn nhã trước kia, hai ông bà theo đuổi kiện tụng, cả ở Sài Gòn và Đà Nẵng. Rốt cuộc chỉ đòi lại được hai căn nhà nhỏ, nhưng phải bán đi để lo luật sư. Thế là phải lang thang sống nhờ bạn bè. Nhưng tình bác ái lâu ngày rồi cũng mệt mỏi. Bạn bè xa lánh,

và có người nói xúc phạm. Hai ông bà thấy tủi nhục, ôm nhau khóc lóc cho tình đời đen bạc. Ông bà bàn định sẽ cùng nhau tự tử. Thuốc ngủ đã mua hai liều mạnh. Trong tuyệt vọng nào nề, bỗng ông sực tỉnh:

- A quên mình còn cái bằng Bác sĩ.

Thế là hai ông bà đứng lên, hăng hái kiến tạo cuộc đời mới. Họ vay mượn bạn bè ít vốn để mở phòng mạch. Ba năm sau họ đã trang trải được nợ nần, mua xe, mua nhà, có đời sống ổn định và tìm lại hạnh phúc ngày xưa. Gia đình có thêm hai đứa con, một trai, một gái. Ông không quên mua cho bà một đàn dương cầm mới. Trong nhà lại dập dìu tiếng nhạc rộn vui, thanh thản.

Thời đệ nhất Cộng hòa ông làm ty trưởng y tế Đà Nẵng, đồng thời là giám đốc bệnh viện thành phố. Khi Mỹ ồ ạt đổ quân vào Việt Nam và leo thang chiến tranh, có những đoàn văn nghệ từ Mỹ sang, đi khắp chiến trường, biểu diễn cho lính Mỹ xem, để nâng cao tinh thần chiến đấu của họ. Có một đoàn văn nghệ biểu diễn quanh Đà Nẵng trong nhiều tháng, trong ấy có một nhạc sĩ dương cầm Mỹ trẻ, tên gọi là Bill, tốt nghiệp âm nhạc viện Nữ Ước. Anh chỉ là Trung sĩ, chắc là để thi hành nghĩa vụ quân sự. Đoàn văn nghệ ấy, gồm nhiều ca sĩ nổi danh, có lần giúp vui cho bệnh nhân Bệnh viện Đà Nẵng trong dịp Giáng sinh. Phần lớn họ hát các bài thánh ca như Jingle Bell, Silent Night, v...v... Cảm động nhất là các ca sĩ ngoại đã hát những bài thánh ca Việt như bản “Đêm đông” của nhạc sĩ Hải Linh. Bill và bà Băng Tuyết đệm đàn, rồi không biết vì sao, hai người lại cho hội trường thưởng thức độc tấu dương cầm, bà với bản Rhapsodie Hongroise của Litz, Bill với bản Lieder của Brahms. Họ âm thầm so tài và mọi người đều bị lôi cuốn bởi dòng nhạc êm ái, điêu luyện. Sau đêm biểu diễn ông bà BS Hoa mời Bill đến tư gia ăn những món đặc sản Việt. Bà Tuyết và Bill lại có dịp bàn luận về âm nhạc. Bill xuất thân gia đình vọng tộc, nói tiếng Pháp thạo, vì đã từng qua Paris học hỏi dương cầm. Chàng lại đẹp trai, khiêm nhường, ăn nói có duyên và nhiệt tình. Bà Tuyết được trời ưu đãi, trẻ lâu, lúc ấy tuy gần 40, song da dẻ vẫn mịn màng, đẹp mà không cần son phấn. Hai người phục tài nhau, và cùng một mê say: nhạc dương cầm cổ điển. Từ đó, Bill thường đến nhà bà Tuyết và hai tâm hồn đa cảm làm giàu cho nhau bằng những khám phá lý thú bên đàn dương cầm, thâm nhập vào sự tinh anh, tài ba, xuất thần của các nhạc sĩ thiên tài

Sở dĩ tôi biết được các chi tiết trên về gia đình BS Hoa vì sau khi ông bà về thành, gia đình tôi cũng hồi cư về làng cũ. Tôi ra Huế tiếp tục học, rồi vào trường Y Sài gòn. Khi đi học cũng như khi ra trường, tôi vẫn thường xuyên đến thăm ông bà. Lúc về Tổng Y Viện Duy Tân, cuối tuần tôi thường chơi mát chược ở tư thất ông bà. Kết thúc bi thảm sau đây tôi đã cố tìm hiểu, và cho đến nay nghĩ đến tôi vẫn còn bàng hoàng: Sự đi lại thân thiết giữa bà Tuyết và Bill đi vào một ngã rẽ định mệnh. Không hề nghi ngờ lòng chung thủy của vợ, bỗng một hôm, sau một ca mổ căng thẳng, BS Hoa đột nhiên muốn về nhà nghỉ ngơi. Mở khóa vào nhà, phòng khách không có ai, trong nhà im ắng. Ông đoán là vợ đi phố và các con đều đến trường. Ông lặng lẽ đi vào phòng ngủ và thấy Bill ôm vợ mình, hai người say sưa trong giấc ngủ. Ông choáng váng, lặng người, song cũng vẫn bình tĩnh, không làm ồn ào. Khóa cửa nhà lại như cũ, ông trở lại nhà thương làm việc. Chiều đến ông về nhà, xem như không có gì xảy ra. Trong bữa ăn tối ông vẫn vui vẻ trò chuyện với vợ và con. Nhưng tối đó ông không vào phòng ngủ như thường lệ. Bà Tuyết có trực giác là có điều gì nghiêm trọng. Bà trấn trở, và cuối cùng ra phòng làm việc của chồng. Đèn vẫn sáng. Đồng hồ phòng khách ngân nga điểm hai giờ. Chồng bà gục đầu trên bàn viết, thân thể bất động, chùng xuống trên ghế bành rộng. Hai cánh tay xoải trên bàn, đè một lá thư. Như cái máy, bà rút lá thư xem:

“Em thân yêu. Em hãy xem cái chết của anh như một tai nạn xuất huyết não cấp tính, và làm ma chay bình thường, để khỏi gây những lời dị nghị, có hại cho em và cho con cái chúng ta. Anh vẫn yêu em như thuở ban đầu, và cầu mong em thanh thản, yên vui trong hạnh phúc mới. Riêng anh đã ích kỷ chọn sự yên lặng của nấm mồ”.

Trong hốt hoảng bà điện thoại cho tôi đến gấp. Năm phút sau tôi đã có mặt ở nhà bà. Khám xác và nhìn lọ thuốc ngủ trên bàn, tôi biết BS Hoa đã dùng một liều cực mạnh, và đã tắt thở từ lâu. Thế theo lời người quá cố, tôi đứng ra lo việc ma chay long trọng, mà hầu hết những nhân vật tai mắt của thị xã đều đến phúng điếu, song không mấy may hay biết sự tình, chỉ thương tiếc BS Hoa đã sớm ra đi vì bạo bệnh. Chừng ba tháng sau tang lễ, bà BS Hoa xuống tóc, vào tu ở một ngôi chùa gần nhà. Bà từ biệt thế giới dương cầm, âm nhạc. Bà buộc vợ chồng tôi dọn về ở nhà bà, tiếp tục coi sóc phòng mạch của chồng bà, và theo dõi hai con bà nay đã vào Đại học ở Sài gòn.

Vì sao BS Hoa đã chọn cái chết? Có lẽ vì quen sống trong tiện nghi, cuộc đời không có những thử thách, lao đao, nên sự thích nghi, đối đầu với biến cố rất yếu. Ông đã có một tình yêu lớn, ông trân quý, xây đắp, và là nơi trú ẩn an toàn cho ông. Ông đã tìm thấy ở đó hạnh phúc lớn nhất của mình. Nhưng biến cố xảy đến, làm cho lâu đài tình ái

của ông sụp đổ tan tành. Những điều đẹp đẽ ông trân quý trở nên xấu xa, đen tối không phương cứu vãn. Ông thất vọng náo nức. Ông quan niệm cuộc đời quá đẹp. Ông không chấp nhận sự yếu đuối, bội phản. Thật ra vợ ông chỉ là yếu đuối, mà không bội phản. Thiên chúa Giáo khác Phật Giáo ở điểm căn bản. Phật giáo hoàn toàn đặt sự giải thoát khỏi thất tình, lục dục bằng sự tự chủ bản thân, nghĩa là chỉ ta cứu lấy ta. Trái lại Chúa Jesus đã nói: *“Linh hồn, thì siêu thoát, nhưng xác thịt yếu đuối.”* Sai lầm là nhân bản (to err is human). Biết con người yếu đuối tội lỗi nên Chúa đã đổ máu ra cứu chuộc nâng đỡ, và sẵn sàng thứ lỗi, khi con người biết hối lỗi và trở về với đường ngay, lẽ thẳng. Sự cứu rỗi con người không thể tự người làm được, mà phải nhờ vào sự cộng tác, dẫn dắt của Thượng Đế. Bởi người là người, không phải là thần thánh. Tự biết mình yếu đuối, và thấy sự yếu đuối của người khác là sự cao cả của con người. (la grandeur de l'homme est grande en ce qu'il se connait misérable, et aussi en ce qu'il a vu la misère d'autrui). BS Hoa phải rộng lượng thứ lỗi cho sự yếu đuối của vợ. Sự im lặng của ông thật đáng ca ngợi, để tránh những đổ vỡ to lớn hơn nữa. Nhưng ông đã ích kỷ tìm sự im lặng của nấm mồ. Ông không biết như thế là làm tan nát tấm lòng yêu thương chân thật của vợ ông, và mối tình lớn mà hai người un đúc sẽ đứt đoạn. Ông phải chấp nhận đau thương, để tình yêu thêm sâu sắc và biết hy sinh hơn nữa. Ông đã làm vợ ông từ bỏ một sự phong phú, giàu có tâm hồn là âm nhạc, vì bà cho đam mê này là đầu mối của sự sa đọa. Một tục ngữ Đức có nói: *“Khi người ta đưa quý nắm ngón tay, nó sẽ chụp luôn cả cánh tay.”* Một cách tránh xa quyền rũ tội lỗi, là đừng bao giờ thử xem một tí. Đây cũng là bài học quá muộn cho bà Tuyết. Trong thâm sâu tâm hồn, bà đau khổ biết bao, khi thấy chính lỗi lầm mình đã đưa chồng vào tuyệt vọng.

Tôi thường hay đến chùa thăm bà và đàm đạo với bà về triết lý nhà Phật. Bà đã tìm lại được sự thanh thản tâm hồn ở cửa thiền, và sự tương thông với người chồng quá cố thân yêu. Bà tận tâm trong công việc từ thiện của Chùa. Nhưng điều làm tôi vui mừng nhất là bà đã cho mang đàn dương cầm của bà vào chùa. Bà đã trở lại với âm nhạc để tìm lại sự an bình mới. Bà đã sáng tác nhiều ca khúc thâm trầm siêu thoát, mà mỗi khi tôi vào thăm, bà đàn cho tôi nghe. Đó là những truyền cảm linh thiêng của người mẹ thứ hai trong đời tôi. Tôi ra về với tâm hồn thơ thới và những quyết tâm mới. Tôi đã cùng nhà chùa tổ chức các buổi trình diễn dương cầm của bà cho mục đích từ thiện. Chắc nhiều thánh giả lúc ra về cũng thấy cõi lòng hân hoan thơ thới, ít nhất là vì dư âm của những dòng nhạc bất tận, huyền hoặc, thâm trầm, và cũng có những tâm hồn đồng điệu nhập vào sự huyền nhiệm của tình yêu, sự sống và tài ba, qua sự sắp xếp thần kỳ của tiết tấu và âm thanh, thoát ra dưới ngón tay huyền diệu của ni-cô Băng Tuyết.

Riêng với Bill, tôi đã báo tin cho anh ta về cái chết của BS Hoa. Anh ta có gửi vòng hoa phúng điếu, và không dự đám tang theo lời khuyên của tôi. Sự có mặt một ngoại nhân có thể gây dị nghị. Thư anh gửi cho bà Tuyết sau đó, tôi đã hủy đi hết và dặn anh nên chỉ liên lạc với tôi. Anh có trao đổi với tôi nhiều ý kiến hay. Anh nói là những năm cuối trung học Loyola, tại thị trấn quê anh, do các linh mục dòng Tên (jésuites) cai quản, anh đã học qua nhiều khóa giáo lý. Khi nói đến hôn nhân, các linh mục giảng dạy nhấn mạnh, là phải giữ thanh khiết trước ngày thành hôn. Ở Mỹ hiện nay trong các trường trung học, có những hội đoàn thanh niên nam nữ, thế giữ đồng trinh (virgin) trước khi lập gia đình. Giáo lý đưa ra nguyên tắc là không được tách rời tình yêu ra khỏi nhục dục (sex). Chỉ tìm thú vui xác thịt là tội lỗi. Anh nói:

- Tôi đã xem thường điều giảng dạy trên, và hậu quả là đổ vỡ và hối tiếc không nguôi. Trong 10 giới răn mà Moise nhận lãnh từ Thượng Đế có điều: chớ lấy vợ chồng người. Tôi đã phạm tội trọng (péché mortel)”

Sau này khi tôi qua Mỹ, tôi có đến nhà anh chơi. Anh đã 60 tuổi. Anh kể là sau khi giải ngũ, anh trở về dạy âm nhạc tại trường trung học Loyola, ở Wichita, quê anh. Anh đổi qua chơi phong cầm cho các nhà thờ. Anh rất mộ đạo và đã yên vui xây dựng gia đình gương mẫu trong giáo xứ. Anh khoe với tôi, các con và cháu của anh đều là hội viên hội “Thế giữ đồng trinh trước ngày thành hôn.” Trên góc bàn thờ Chúa trong nhà có để ảnh bà Tuyết ngồi trước dương cầm lúc ở Đà Nẵng. *“Như thế để nhắc nhở gia đình tôi cầu nguyện cho bà”*, anh nói. Trầm ngâm giây lát anh thêm: *“Những tình cảm sôi nổi, những thị hiếu nhất thời, những say mê của trào lưu mới, những thú vui thân xác, theo thời gian sẽ qua đi, nhưng đạo đức, luân lý, bổn phận, trách nhiệm, tự chế, khắc kỷ, là trường cửu, và là những yếu tố tạo nên giá trị của con người”*

Một Quan Niệm Sống

Bệnh viện Từ dũ một sáng sớm. Phòng hộ sản rộn ràng. Y công quét dọn lau chùi. Nữ hộ sinh trực đêm qua sửa soạn ra về. Nữ hộ sinh mới đến tươi cười nhận phiên trực. Các sinh viên thực tập gom số liệu, để viết báo cáo ca đỡ đẻ, mình thực hiện đêm qua. Qua cửa sổ, tiếng người và tiếng xe cộ dưới đường Hồng thập tự, vọng vào xã xầm, náo nhiệt.

Dưới quyền điều khiển của giáo sư Trần đình Đệ, bệnh viện Từ dũ có hai đặc sắc: có nhiều nữ học sinh hộ sản xinh đẹp và sự điều hành tôn ti, trật tự, nghiêm khắc của thầy. Mỗi sinh viên thực tập phải hoàn tất 20 ca đỡ đẻ và một số báo cáo lâm sàng những bệnh phụ khoa.

Tối hôm qua tôi và Tô cùng trực. Có một trường hợp sản phụ tử vong, vì bị nhiễm trùng bọc ối. Thai nhi 8 tháng đã chết trong bụng mẹ. Từ hai tháng nay, bà được truyền dung dịch, trụ sinh vào máu, song vẫn sốt và cuối cùng tử trần. Sinh viên trực phải mổ tử thi, gửi mẫu đi sinh thiết (examen anatomo-pathologique) và báo cáo những nhận xét về nguyên nhân tử vong. Đã cùng nhau học trường đạo Thiên hữu ở Huế, sau đó cùng học Y (nay đã là năm thứ tư), chúng tôi thân nhau lắm. Song tư tưởng hai đứa là hai thái cực. Tôi con chiên ngoan đạo. Nó vô thần. Lúc nhỏ nó có đi tu dòng Biển đức, song tính nết độc lập, nên phải xuất. Lúc học Thiên hữu nó thú thực với tôi là nó đã bỏ đạo, song nó phải đóng vai nhu mì để cha mẹ và các linh mục không nghi ngờ gì nó. Nó bắt đầu đọc Nietzsche và thường tuyên bố lên lút : "Thượng đế đã chết." Sau tú tài I, nó học triết, tôi học toán. Năm 1953, học sinh trường Pháp rất ít. Năm ấy thí sinh ban toán tại trường Yersin Đàlat chỉ có 40 người. 10 người vào được vấn đáp. Song chỉ có 6 người đậu. Bên Triết, kể cả nữ sinh Couvent Oiseaux, khoảng 50 người. Số người trúng tuyển cũng nhiều hơn: 30 người. Tô đậu đầu ban triết. Khi vào vấn đáp, gặp một giáo sư triết trường Chasseloup Laubat. Ông này nghe đâu là đảng viên Cộng sản Pháp. Ông hỏi Tô về Mác. Nó nói thao thao bất tuyệt vì đúng vào tử của nó. Riêng tôi, tuy có khiếu toán, song phải chật vật lắm, mới qua khỏi cửa ải này. Vì ít người vào vấn đáp, ban giám khảo đã có thể niêm yết thí sinh trúng tuyển sau vài giờ sát hạch. Tô và tôi rời trường lúc 11 giờ đêm. Đàlat một đêm hè, sao sáng đầy trời, gió mát rợi. Đứng trên đỉnh đồi tôi hét lên một tiếng to, vui sướng tung hê xấp bài vở học thi tản mạn theo gió. Một năm mãi miết với 9 môn toán hắc búa Những đêm thức khuya, những cuối tuần đầy bài vở phải làm! Nay được giải phóng, mừng quá. Tôi cười: "*mày học sao vất vả quá, cũng tại mày chọn con đường cực khổ*"

Xuống Saigon, chúng tôi cùng ghi danh vào PCB. Cùng ở câu lạc bộ Phục hưng, gần phòng nhau. Chúng tôi thường tranh cãi nhau về triết. Đó là nghề của nó. Còn tôi chỉ nói theo lương tri và một mớ kiến thức căn bản qua những năm trung học, hoặc lượm lặt ở sách vở .

Sáng hôm ấy, chúng tôi đi dọc theo hành lang dẫn đến nhà xác, vừa đi vừa biện luận. Tô nói :

- Phải tận hưởng cuộc đời. Cuộc đời này là một quà tặng không cho mỗi người, duy nhất không lặp lại. Trong khoảng thời gian 100 năm đó, phải tạo cho mình những thú vui bất tận, từng giây,từng phút. Sau cái chết không còn gì nữa. Đừng hoang tưởng một đời sau. Lời đánh cuộc (pari) của Pascal không làm tau nao núng. Pascal nói : "hãy tin ở đời sau. Nếu có, thì sung sướng biết mấy, nếu không có thì mình chẳng mất mát gì". Luân lý, ước lệ xã hội, chỉ là những bịa đặt, mà ông Kant và đồ đệ biện luận để phỉnh người, tạo nên một bày cừu ngoan ngoãn. Khổng tử cũng như Kant, cho rằng "kỷ sở bất dục vật thi ư nhân" (cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác). Và tôn giáo nữa, hù dọa với quan niệm tội lỗi và hỏa ngục đời sau. Những cấm đoán đã làm mất bao nhiêu thú vui trên đời. Ngoài ra, nếu cần, cũng có thể giày đạp lên kẻ khác để mưu cầu hạnh phúc cho mình.

Tôi đáp:

- Luân lý đặt nền tảng nơi Thượng đế. Dostoievsky nói: "nếu không có Thượng đế, việc gì cũng có thể làm được" (si Dieu n'existe pas,tout est permis) .Xem như cộng sản vô thần, họ tự cho phép mình làm chuyện ác tày trời mà không sợ trời tru đất diệt. Tổng thống Mỹ, đặt tay lên quyển thánh kinh thề, khi nhậm chức, là tỏ lòng kính sợ đáng tối cao, không dám làm thủ đoạn ác độc nào, mặc dù thủ đoạn ấy có thể che dấu được.

Camus, khi ông nói đến thân phận bi đát của loài người, cũng nói đến khía cạnh luân lý cần thiết. Chúng ta cùng ở trong một túi tối tăm, chật hẹp. Đừng muốn có chỗ rộng mà đạp đá người bên cạnh làm cho ngực tù ấy thêm bi đát. Nếu chúng ta ích kỷ, chỉ muốn lợi riêng cho mình sẽ biến đời sống người bên cạnh thành hỏa ngục. Hãy nhường nhịn nhau, xử tốt với nhau cho đời đẹp và đáng sống hơn.

Tôi tiếp lời tôi:

- Mà có biết tháng trước đây một sinh viên Nhật, con một nhà kỹ nghệ giàu sụ, có vài bằng tiến sĩ, cả một lô tình nhân xinh đẹp, đã nhảy vào lòng chảo dung nham núi Phú Sĩ tự tử. Hắn ta để lại cho cha mẹ một bức thư tuyệt mệnh trong ấy nó nói đời không đáng sống, vì chỉ là những lặp lại nhàm chán. "Tuồng tượng một ngày con sẽ nổi nghiệp ba làm giám đốc hãng, hai buổi đi về. Rồi cưới vợ, lập lại những bốn phận gia đình. Rồi đứa con của con cũng lặp lại y như thế. Con muốn chấm dứt cái vòng lẩn quẩn ấy". Vừa rồi ở Pháp, một nữ sinh viên cũng tự tử bằng thuốc ngủ. Vài ngày sau người ta mới tìm được xác cô ta nằm giữa bụi bờ vùng quê Normandie. Cô này trong thư tuyệt mệnh nói đến khủng hoảng tâm thần giữa cuộc hiện sinh bi đát. Tao nhiều khi cũng muốn tự tử, song nghĩ lỡ đã bước vào hiện sinh, phải tận hưởng nó đã. Montherlant một văn sĩ Pháp có giải Nobel, đã tự tử khi thấy sức khỏe không cho phép mình hưởng thụ cuộc đời được nữa. Ông sợ chết hụt nên chuẩn bị ba súng lục để trước mặt mình. Nếu một súng kẹt đạn thì xử dụng súng kế tiếp. Malraux tự tử bằng thuốc ngủ nhưng bà vợ mang vào nhà thương cứu kịp. Hemingway tự tử bằng súng trường. Tao sẽ áp dụng câu thơ của Landor :

"I warmed both hands on the fire of life .

The fire died , I'm ready to depart . "

(Tôi sưởi ấm hai tay trên lò lửa cuộc đời. Lửa tàn ,tôi sẵn sàng ra đi)

Cuộc đời hết vui tao sẽ chọn cách ra đi êm đẹp. Tao bị bỏ ra đời không có sự đồng ý của tao. Song tao có thể chọn lúc nào ra đi và ra đi cách thế nào

Chúng tôi đến nhà xác, mặc áo choàng vào, đeo găng và đứng hai bên bàn xi măng dài. Trên bàn tử thi được đắp một tấm vải trắng. Tôi kéo tấm vải xuống. Bụng tử thi phồng to, da căng thẳng. Tôi đang cầm con dao mổ, miệng vẫn thao thao biện luận. Đầu nghiêng xuống tử thi, hần chọt lưỡi dao vào đường giữa bụng, với ý định cho hơi xì bốt. Nào ngờ một luồng nước vàng và hôi, dưới áp suất, vọt mạnh vào mặt Tôi. Nó la lên một tiếng kinh hãi, bước lui và đưa hai tay lên dụi mắt. Tôi dẫn hắn đến bồn rửa, nghiêng đầu hắn dưới vòi nước, cho nước chảy vào mắt rửa chất nước vàng hôi hám và rất nhiễm trùng. Bấy giờ Tôi mới mở mắt ra được. Mắt đỏ hoe. Nó nói mắt hãy còn rát, phải đi tắm và tìm thuốc nhỏ mắt nhỏ mắt gấp. (Tuy thế sau đó nó cũng đỏ mắt mất một tuần).

Tôi rời nhà xác, và tôi mổ tử thi một mình. Khi mổ tử cung,tôi thấy một vật đen sì. Quan sát kỹ,thì ra là bào thai rửa nát hôi thối, với những mảnh xương mỏng như mi-ca. Lúc nấy tôi định nói với Tôi : "*mày thấy không, cuộc đời đâu phải do mày quyết định. Nhiều rủi ro bất trắc ở ngoài ý muốn mình. Muốn mỗi phút đều là sáng khoái, gần như là điều vô tưởng, không thể thực hiện được. Mà có thể ra đi bất thần, chú không phải mày chọn*". Thánh kinh đã chẳng nói đại khái: "*lúc bé các con muốn làm gì thì làm, song lớn lên, người ta sẽ mặc áo cho các con, và dẫn các con đến những chỗ con không muốn đến*". Song tôi đã kịp giữ miệng. Lúc người ta đang gặp khó khăn, đừng thêm lời chỉ trích. Cũng có lần tôi hỏi Tôi :

- Mà đã chủ trương hưởng lạc, có sao lại đâm đầu vào y khoa. Học cũng khổ lắm mà". Nó nói: "Tao học là để có một chỗ vững chắc trong xã hội và từ đó mới có phương tiện để thực hiện lối sống mình. Và lại học cũng là cái thú đối với tao. Mà biết tao cao hứng thế nào khi đọc những lời Zarathoustra phán, của Nietzsche.

Quả thật khi ra hành nghề Tôi đã sống phần nào theo như lời nó nói. Ngày còn là sinh viên, nó yêu một nữ sinh Đồng Khánh rất đẹp và kiêu xa. Hầu như là mỗi ngày nó viết một bức thư cho nàng. Nó yêu tha thiết với nét mặt rạng rỡ trông thấy. Mười năm sau gặp lại, nó đang làm giám đốc một bệnh viện tỉnh. Hai vợ chồng sống mỗi người một nơi, mặc dù đã có một đứa con gái. Nó tâm sự với tôi: "*Hai vợ chồng tao thỏa thuận là không ly dị, song mỗi đứa tự do sống theo sở thích mình. Đứa nào muốn 'cua' vợ tao thì cứ vào, tao không có ý kiến*". Sau này khi ở trong tù cộng sản, tôi có gặp những công chức cùng ở thành phố với Tôi kể vài ba câu chuyện về nó: có một anh thợ ảnh đã được Tôi giao cho rửa một số ảnh và dặn phải thật kín đáo, không cho một ai xem. Anh thợ ảnh này là lính của Tôi khi còn trong quân đội. Tôi đã giúp anh ta được giải ngũ, nên anh ta biết ơn Tôi lắm. Anh ta tò mò xem phim, và khám phá ra

là hình khỏa thân của các thiếu nữ đẹp, trong số ấy có nhiều nữ sinh trong thành phố. Tìm hiểu anh ta mới Biết Tô đã chụp những hình ấy tại phòng mạch, bằng một máy ảnh tự động, giấu một chỗ kín đáo. Khi Tô biết sự tò mò của anh, Tô đã dí súng vào đầu anh ta và dọa sẽ giết nếu tiết lộ ra ngoài. Và cũng từ đó, Tô học rửa ảnh và trang bị cho mình một phòng rửa phim tại nhà. Trong chiến tranh, vì quen nhiều sĩ quan, Tô xin súng về để trong nhà. Lúc cách mạng vào Tô mang đi nộp hàng chục khẩu súng. Có một dạo Tô, tôi và một đồng nghiệp nữa ở chung một đơn vị. Chúng tôi ngủ chung một phòng. Tối đến Tô hay ngồi mân mê một trong những khẩu súng hán có. Hán còn ồm ờ nói với chúng tôi : "*Tao ưa dùng súng ,nên tao khai trong lý lịch quân đội là có khi tao lên cơn lú lẫn, không có thể tự chủ mình được Nếu ngày kia tao ra tòa với tội giết người, lời khai trên sẽ làm tao nhẹ tội*". Bọn tôi bèn dọn sang ở phòng khác, sợ nó lú lẫn tưởng bạn là thù. Hay là nó bày mưu ra thế để có phòng riêng dẫn bạn gái về ?

Có câu chuyện của một ông trưởng ty có vợ đẹp. Bà này là tình nhân của Tô. Ông trưởng ty đã phải đến năn nỉ Tô buông tha cho vợ mình. Song Tô trả lời là Tô không quyến rũ bà, song xa rồi Tô là tự do của bà ấy. Tô có rất nhiều tình nhân, phần lớn là đẹp, trẻ, trong số đó có nhiều giáo sư trung học, cũng như y tá, học sinh. Tô khoe là Tô đánh máy 40 bức thư tình cùng một lúc, nội dung như nhau chỉ khác tên người gửi. Dưới thời chính phủ quốc gia, với nhiệm vụ trưởng ty Y-tế, Tô hay đi kiểm tra các bệnh xá quận. Tô đi lại rất tự do, mặc dù lúc ấy an ninh các trục lộ về quận rất kém. Có lần xe Tô bị Việt cộng chặn lại, song Tô vẫn được ra về an toàn. Một lần khác có một ông phó quận, cựu quốc gia hành chánh, đi cùng xe với Tô. Trên xe có bốn cô nữ sinh xinh đẹp. Ông này tìm đến Tô vì chung một sở thích là có nhiều tình nhân cùng một lúc. Việt cộng chặn xe, bắt ông phó quận tại chỗ, còn Tô và bốn nữ sinh được ra về. Sau chuyện này an ninh quân đội có kêu Tô hỏi, song Tô vẫn thoát lưới điều tra.

Năm 75 Tô đã đem xe ra thành phố rước Việt cộng vào. Sau này Tô tiết lộ mình là trưởng ban trí thức vận cho Việt cộng. Với sự giúp đỡ của một Đảng ủy cao cấp có liên hệ với Tô trong thời kỳ bí mật, Tô được đổi về một bệnh viện ở thành phố lớn. Tô biết nếu ở nguyên chỗ cũ, không khỏi bị người khác tố giác. Về chỗ mới ít ai biết Tô. Phải nói Tô có biệt tài. Trong cái rừng mù mịt, thủ đoạn của bọn cán bộ Cộng sản, Tô ứng phó đi lại ung dung. Tô kiêu hãnh về điều Tô khỏi đi học cải tạo. Đã thế khi làm việc với chính thể mới, Tô đã lần lượt lật đổ hai Giám đốc bệnh viện có đảng tịch, vì tham nhũng. Riêng Tô có vào Đảng không thì tôi không biết, vì trong 12 năm tôi ở tù, Tô không hề giao tiếp với tôi, xem tôi như một thàng ngọc, không thích ứng nổi với cuộc đời, và chết trong tù là cái chắc.

Khi ra tù, tôi gặp lại Tô. Nó không làm cho bệnh viện nữa, nghe đâu vì xích mích với đồng nghiệp cộng sản. Hán mở bệnh viện tư và làm được nhiều tiền, đồng thời cũng giúp bệnh nhân nghèo, khi họ không đủ tiền trả thù lao. Chắc có gì xảy ra trong đời nó, nên nó sống khác hẳn với ngày xưa. Dò hỏi tôi mới biết đứa con gái duy nhất mà nó thương yêu rất mực, đã tự tử chết cách đó vài năm. Người ta nói đây là một bước ngoặt lớn trong đời nó. Một người trong gia đình Tô, đã tiết lộ cho tôi biết, nguyên nhân cái chết ấy. Trong khi Tô sống ở miền Trung, thì con Tô và vợ sống ở Thủ Đức. Con gái Tô là sinh viên ngoại ngữ đại học Saigon. Cô vừa đẹp vừa học giỏi. Cô đã có người yêu. Một ngày nọ đi học về, cô thấy đôi giép của người yêu ở trước phòng của mẹ mình (lúc này mốt ở Saigon, là mang giép ra đường). Cô gõ cửa phòng thì chẳng ai ra mở. Chắc cô cũng đã tìm giải đáp của nghi vấn. Sau đó vài hôm, cô gửi cho cha mẹ một bức thư tuyệt mệnh rồi lạng lẽ ra đi. Từ trên cầu, bắc qua sông chảy xiết, ở ngoại ô thành phố Biên hòa, cô gieo mình vào dòng nước xoáy. Xác được vớt lên sau đó vì có người hô hoán, song đã trễ. Trong tang lễ, Tô bưng bát hương, đưa con ra nơi yên nghỉ cuối cùng. Nghe đâu trong thơ tuyệt mệnh, đứa con nguyện đem cái chết để cầu mong cha mẹ suy nghĩ và sống chung trở lại. Song đến nay vợ chồng Tô vẫn sống riêng. Có lẽ là một đổ vỡ không hàn gắn được. Chắc tâm hồn họ đã nguội lạnh, không thiết tha đến sự sống chung. Cũng là một bi kịch.

Tô là một người trí thức. Nó đọc sách rất nhiều. Mua sách cũng nhiều. Trong nhà có cả một thư viện. Nó thường nhắc câu của Lenin: "*chỉ có đem toàn bộ hiểu biết của nhân loại để làm giàu bộ óc mình, thì mới trở thành người cộng sản*". Câu này tưởng hay, song sai nhảm từ bản chất. Bể học mênh mông, đời người thì ngắn ngủi, làm sao mà biết hết bể học. Và lại biết thật nhiều, học thật nhiều không phải là văn hóa đích thực, mà còn là phản lại văn hoá đích thực là khác. Lenin, và những người cộng sản đều thiếu văn hóa. Tô trong lối sống theo cách anh ta biện luận cũng thiếu văn hóa. Tô cũng ngượng với tôi khi tôi ra tù, vì khi cộng sản đang thời cực thịnh, anh ta tự hào là mình sáng

suốt, chọn đúng con đường. Nay cộng sản đang đà xuống dốc, lý tưởng tiêu tan. Những đốt nát bày ra rõ rệt. Riêng chuyện bỏ tù tôi 12 năm chỉ vì bất đồng ý kiến cũng làm cho Tô xoắn xang, vì Tô đã từng được đào luyện trong lò nhân bản văn minh Địa trung Hải, rất bao dung và tôn trọng ý kiến của người khác.

Lúc chia tay với nó để về Saigon, nó thú nhận rằng cũng vì thiếu khiêm nhường, tự cho mình thông minh hơn người nó rơi vào những sai lầm trầm trọng. Cuộc đời đã dạy nó một bài học thích đáng. Có người ở quê nhà mới sang nói nó đã trở nên con chiên ngoan đạo. Tôi cũng an ủi phần nào, vì sợ nó tự tử khi chán sống. Tôi có quen một kỹ sư, có lối sống tương tự Tô lúc trẻ. Cuối cùng vợ con xa lánh. Anh tự tử chết, cô đơn trong căn nhà trọ. Năm ngày sau, phá cửa phòng vào, xác anh đã sinh thối.

Một Hạt Đậu Hai Người Khiêng

Trong trại tù Tiên lãnh, khu nhà Ri thật đặc biệt. Tường là những tấm vi sắt (grille) xưa kia dùng lót phi đạo cho những phi trường dã chiến. Mái lợp tôn. Bởi thế, mặc dù tường có nhiều lỗ thông hơi tròn nhỏ, không khí trong phòng lúc nào cũng hâm hấp nóng về mùa hè. Mùa đông thì gió bắc luồn vào lạnh thấu xương. Giường ngủ hai tầng là những sạp gỗ. Trên sạp tù nhân nằm sát nhau. Căn phòng 4mX12m chứa trên 70 người. Tù nhân phần lớn là thanh niên và trung niên, phạm tội vượt biên.

Một đêm hè oi bức. 6 giờ chiều thì cửa phòng đã khóa lại. Đèn điện vẫn sáng cho đến 10 giờ. Đứng ngoài đêm tối nhìn vào, nhà Ri giống như một lồng sắt to lớn nhất thú vật. Anh em tù đều ở trần, tay phe phẩy quạt, ngồi tụm nhau để nói chuyện. Nhưng hoạt náo nhất là nhóm những người nghe chuyện kiếm hiệp Kim Dung do giáo sư Lộc kể. Anh ta nhớ từng chi tiết gay cấn, từng cá tính hài hước nhân vật, và gây cho người nghe sự háo hức say mê, và thỉnh thoảng một trận cười khoái trá. Tiểu thuyết Kim dung hàng chục quyển, mà truyện nào cũng tràn giang đại hải, bởi thế tháng này qua tháng nọ, Lộc có thể mang lại niềm vui cho anh em trại viên, nhất là làm cho họ quên đi phần nào nỗi đau buồn xa gia đình và thời gian dài đặc ‘nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại’. Ngoài chuyện kiếm hiệp dài hàng tháng, Lộc còn kể cho anh em nghe nhiều giai thoại hài hước Trạng Quỳnh, chuyện cổ tích Anderson, truyện Tàu tù Phong Thần, Đông Chu liệt quốc đến Thanh triều cận đại. Trí nhớ của anh thật phi thường, nhất là những nhận xét tinh tế của anh về nhân vật. Anh đọc được cả chữ Hán. Một hôm có trại viên gốc Tàu, tội vượt biên được thăm nuôi, mang vào nhiều gói quà bọc trong giấy báo cũ in toàn chữ Tàu. Lộc chú ý đọc và nhận ra đó là tờ Hồng Kông báo. Tối ấy anh kể cho anh em một giai thoại văn học lý thú mà anh đã đọc trong tờ báo ấy: ‘Một học trò nghèo tên Trúc nguyệt Ba lên Bắc kinh dự thi. Song đến thủ phủ Giang Nam thì hết tiền độ nhật. Anh phải vào chùa thí phát để ăn nhờ của Phật. Một hôm ngồi tụng kinh ở chính điện, anh thấy một thiếu nữ đẹp tuyệt trần độ 16 tuổi vào lễ Phật có người hầu hạ đi theo. Anh muốn gheo cô. Thấy cô thanh tân, yểu điệu như cảnh liễu trước sân chùa, bèn vừa gõ mõ, vừa tụng bài thơ sau đây:

Giang nam liễu, nộn lục bất thành âm.

Chi nhuyển bất kham khinh chiết thủ

Huyền ly phi thượng lục năng cam.

Lưu thủ đái xuân thâm.

(tạm dịch: liễu Giang nam, xanh non như thể không có bóng. Cảnh mong manh không chịu nổi tay người bẽ phũ phàng, cũng như không chịu nổi sức nặng chim huỳnh ly bé bỏng. Thôi thì rút tay lại đợi vài xuân nữa)

Rủi cho chú tiểu, cô tiểu thư tên là Liễu Nộn Nộn, con quan tổng đốc Giang nam. Nghe bài thơ cô hiểu ý, khóc lóc ra về kể cho cha nghe sự vô lễ của chú tiểu. Tổng đốc cho lính bắt ngay chàng thanh niên xúc phạm đến tôn quý, nhất

là tội thầy chùa phạm sắc giới, xử phải chết trầm mình dưới sông. Ông họa lại bài thơ ghẹo gái để minh chứng ông không xử oan. Biết anh họ Trúc, ông đọc bài họa như sau

*Giang Nam trúc, xảo tượng tác vi đồng.
Phó giữ pháp sư tàng pháp thể.
Giang ba thâm xứ, bạn ngư long.
Tất tri sắc sắc không không.*

(tạm dịch:với trúc Giang nam, tay khéo đan một chiếc lồng, để cho pháp sư ẩn tàng thân thể, dưới thâm sâu sóng gió dòng sông làm bạn với cá rồng. Tất cảm nhận sắc đó rồi không đó). Trúc nguyệt Ba trước khi chết xin quan cho họa thơ lần chót. Vì tên lót là Nguyệt anh ta đọc:

*Giang nam nguyệt. Như cảnh diệp như câu .
Như cảnh bất lâm hồng phấn diện
Như câu bất thượng thủy liêm đồng.
Không tự chiếu đông lưu.*

Tạm dịch : Trăng Giang Nam. Khi như gương tròn, khi như móc câu. Như gương tròn cũng không soi được mặt người đẹp hồng phấn. Như móc câu cũng không treo được bức tranh thủy liêm nơi phòng khách sang trọng. Chỉ chiếu sông dòng nước chảy về đông.)

Ý anh ta nói anh chẳng bao giờ có ý trèo cao, mà chỉ là trăng sông lạnh lẽo.

Quan tổng đốc thấy anh là người có tài bèn bỏ tiền cho anh làm lộ phí vào Kinh thi. Quả nhiên Trúc nguyệt Ba đậu trạng nguyên và trở về cưới Liễu Nộn Nộn làm vợ.”

Đời sống hàng ngày trong tù cũng là đầu đề cho Lộc kể những chuyện hóm hỉnh. Anh kể là khi xưa đồng quê Việt nam hưởng thanh bình thực sự. Chúng có là chuyện bài thơ Con cóc. Một buổi chiều thơ mộng có nắng vàng, có đàn chim sẻ riu rít trên mái nhà, ba chàng thư sinh đang nấu sủ, xôi kinh chờ ngày ra kinh ứng thí, họp nhau trong sân nhà. Họ đang tìm đề tài để nhả ngọc, phun châu. Họ tứ lự nhìn cảnh vật chung quanh. May thay có chú cóc, nghe gió chiều mát rượi thổi vào hang nằm dưới bậc cấp hàng hiên, liền nhảy ra. Thư sinh thứ nhất ứng khẩu đọc ngay:

- *Con cóc trong hang./ Con cóc nhảy ra*

Con cóc ngồi ở miệng hang một lát để ngắm trời xanh biếc, phong cảnh quen thuộc chung quanh. Thư sinh thứ hai xuất tú, nối tiếp:

- *Con cóc nhảy ra./Con cóc ngồi đó.*

Ngắm cảnh chán, cóc phải nhảy đi để tìm mồi. Thư sinh thứ ba tức cảnh sinh tình, đọc hai câu thơ chót:

- *Con cóc ngồi đó./ Con cóc nhảy đi.*

Ba chàng vỗ tay khi hoàn thành bài thơ tuyệt hảo, và bài thơ đã đi vào lịch sử! Dĩ nhiên trong cảnh thanh bình đó, bài thơ Con cóc có thể kéo dài vô tận, như là : Con cóc nhảy đi, nhảy vào bụi cỏ v.v.. Nhưng trong trại tù của chúng ta bài thơ ấy chấm dứt rất nhanh :

Con cóc trong hang./Con cóc nhảy ra

Con cóc nhảy ra./ Con cóc chết!

Tại sao con cóc chết tức tưởi như vậy? Vì nó sẽ bị trại viên tóm ngay, chặt đầu, lột da, bỏ vào gô cải thiện. (gô là lon nhôm guigoz trong trại tù Cộng sản dùng để nấu nướng. Cải thiện tức là kiếm thêm chất thịt để bồi dưỡng, vì trong tù chỉ ăn cơm độn sắn với nước muối. Ăn uống trong trại tù Cộng sản kém cả chất lẫn lượng.) Đây cũng là cách Lộc mỉa mai chế độ một cách sâu sắc

Lộc nguyên là giáo sư Anh văn trường Trung học Phan chu Trinh, Đà-nẵng. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài-gòn môn Anh ngữ. Vì cận thị nặng anh được miễn quân dịch. Anh dạy học được 5 năm thì ngày 29-03-75, Cộng quân chiếm Đà-nẵng. Anh được lưu dung, dạy Anh Ngữ. Song bấy giờ Nga ngữ thịnh hành hơn. Sự phân biệt đối xử với

người chế độ cũ, chế độ đàn áp, độc tôn tư tưởng cùng sự dốt nát của cán bộ giáo dục và nhân viên chính quyền các cấp, làm anh thối chí, và nảy ý định vượt biên. Lộc cùng một số bạn bè vất vả kiếm tiền mua hải bàn, xăng nhớt, thuyền máy v... v... trong 5 tháng trời mới xong. Riêng Lộc đã phải vay mượn một số tiền lớn. Chuyến đi tuy tổ chức chu đáo, xuất phát từ trại cù Hải Vân, song định mệnh vẫn mạnh hơn tính toán của con người. Sau khi mọi người đã xuống tàu, một tàu đánh cá nhỏ, vào lúc nửa khuya, thuyền trực chỉ ra khơi. Nhưng mới rời bờ đá độ 100m thì thuyền máy Công an phục kích từ lâu đón bắt. Trọn 40 thanh niên, thiếu nữ bị áp tải về trại giam Chợ Cồn để thẩm vấn rồi sau một tháng tất cả đi cải tạo lao động tại Tiên Lãng. Lộc và các bạn nhập vào nhà Ri. Thấm thoát mà đã 5 năm tù tội. Gia đình sa sút từ ngày mất miền Nam, Lộc ít được thăm nuôi, mỗi năm nhiều lắm hai lần. Đồ thăm nuôi nghèo nàn, lèo tèo một thẩu thịt heo kho mặn, vài kí- lô đường đen và ít đồ lặt vặt. Phần ăn trại cấp thì sắn là chính, gạo chỉ độ 100gr mỗi bữa. Thức ăn thì độc một món, nước muối hoặc nước mắm cái nấu loãng. Ăn không no và không đủ chất lượng nên tù nhân chết vì suy dinh dưỡng rất nhiều. Muốn sinh tồn, phải cải thiện, nghĩa là mọi sinh vật dù nhỏ bé và gớm ghiếc đến đâu cũng bị trại viên chop lấy nấu ăn. Bởi thế bài thơ con cóc kết thúc rất nhanh. Lộc cũng là một tay lão luyện trong nghề cải thiện. Nhưng như anh đã từng than phiền: ‘‘caution is not stronger than fate’’ (định mệnh mạnh hơn phòng bị), anh là nạn nhân mà định mệnh đã chọn trong cuộc sinh tồn.

Câu chuyện thương tâm sau đây đã hằn lên đời anh một vết thương chí mạng. Số là về mùa trồng đậu phụng, mỗi tối, trại viên phải làm thêm giờ gọi là tranh thủ. Ăn cơm tối xong, trại viên được nhà trưởng tập hợp dẫn lên sân rộng trước nhà kho của trại để lột đậu. Cứ mỗi tốp năm người ngồi vòng tròn dưới một gốc cây tàng lá sum sê, dưới ánh sáng một ngọn đèn Điện 40W mắc trên cành cây. Giống như một tiệm cà-phê ngoài trời ở Sài-gòn, song ở đây ngồi bệt dưới đất. Với mùa lột đậu, phải chuẩn bị một cái ghế nhỏ cầm tay hoặc một miếng gỗ dày để lót mông ngồi trong suốt 3 giờ. Giữa vòng tròn 5 người là hai thúng đầy đậu vỏ, và một thúng trống để đựng đậu hạt. Mỗi trại viên được phát một rổ nhỏ. Lấy đậu vỏ vào rổ, rồi trở về chỗ ngồi, bóp từng trái đậu vỏ vỡ ra, mà không làm nát hạt đậu ở trong. Vỏ đậu quăng ra dưới đất, còn hạt đậu thì bỏ vào rổ. Khi lột hết rổ đậu thì mang đậu hạt đổ vào thúng trống, rồi xúc đậu hạt về chỗ, làm tiếp. Vừa lột đậu vừa chuyện vãn với nhau, hoặc nghe Lộc kể tiếp kiếm hiệp Kim Dung cũng là những phút thư giãn trong cuộc sống ở trại, nhất là được hưởng gió mát và nhiều khi trăng thanh, giữa vùng rừng núi. Một cái thú nữa là thỉnh thoảng nhót một hạt đậu vừa béo vừa ngọt, mà cơ thể đang cần. Ai cũng ăn lén song rất thận trọng kéo bọn cán bộ canh chừng, đi lảng vảng trong sân kho bắt gặp. Nhưng rủi cho Lộc. một sự rủi ro hi hữu, vì chỉ có mình anh bị bắt trong suốt mùa lột đậu năm ấy. Vừa lột đậu anh thông thả kể chuyện vui cười để che lấp mình đang nhai đậu sống. Bỗng từ bóng tối góc sân, tên cán bộ bước ra, đi thẳng đến chỗ Lộc ngồi và ra lệnh:

- Anh hãy mở miệng cho tôi xem.

Tái mặt, anh chưa biết phản ứng ra sao, thì tên cán bộ đã quát lớn:

- Anh nghe rõ chưa, tôi bảo anh mở miệng ra xem.

Lộc mở miệng song không thấy hạt đậu nào. Tên cán bộ lại bảo:

- Anh lè lưỡi ra xem.

Lộc lè lưỡi ra, lưỡi anh trắng nhò nhò, tố cáo rằng anh đã ăn đậu phụng. Tên cán bộ kéo anh ra giữa sân. Bốn tên cán bộ khác đã đến vây quanh anh. Năm tên đều mang bốt mà quân đội miền Nam trước kia dùng đi hành quân, loại bốt da cứng (chúng tịch thu khi lục soát tù sĩ quan quân đội miền Nam trại Kỳ sơn lên Tiên Lãng). Lúc đầu thì chúng đấm vào mặt, bụng, ngực anh. Anh ngã xuống vài lần. Song chúng kéo anh đứng dậy. Một tên tuyên bố lớn tội trạng anh;

- Lâu nay chúng tôi biết đậu phụng lột thất thoát nhiều. Chúng tôi nghi các anh ăn lén. Nay bắt được, chúng tôi trừng trị nặng để các anh chừa thói ăn cắp tài sản Xã hội Chủ nghĩa.

Tên cán bộ quản giáo nhà Ri biết lý lịch của Lộc, sẵn dịp lại phun ra những lời phỉ báng theo lối giáo dục Cộng sản:

- Anh Lộc là một giáo sư ở chế độ thối nát miền Nam. Bởi thế mang danh là nhà mô phạm dạy con em Cần, kiệm, liêm chính theo gương bác Hồ, anh là người ăn cắp, nêu gương xấu. Đã biết các anh xấu xa từ bản chất, nên chúng tôi tập trung các anh lại để cải tạo. Song các anh vẫn thói nào tật nấy, không chịu sửa đổi, Nếu chúng tôi có tàn ác cũng chỉ để giáo dục các anh.

Lâu nay cán bộ trẻ trong trại có phong trào học võ. Họ bắt các trại viên giỏi võ, dạy họ học nào công phu, karaté v...v... Họ thường đem ứng dụng các thế võ học được trên thân thể trại viên phạm lỗi. Những trận đánh bẽ hội đồng thường xảy ra trên hiện trường lao động. Lộc bị rơi vào trường hợp này. Năm tên cán bộ thay phiên nhau nhảy lên đá

song phi vào người anh. Anh ngã xuống, chúng lại nâng anh đứng dậy. Mặt anh đã sưng phù, máu đã ứa ra khoe miệng. Cuối cùng, Lộc nằm bất động trên nền đất, thở thoi thóp. Thế mà bọn cán bộ vẫn chưa tha. Chúng còn đá thêm vào người anh. Tên giám thị trại sợ anh chết nên ra lệnh ngưng đánh và bắt hai trại viên nhà Ri khiêng anh không phải về bệnh xá, mà về nhà Ri. Anh em xúm xít lại quanh anh, trong ấy có cả một Bác sĩ tội vượt biên, săn sóc cho anh hồi tỉnh. May mà không có xương nào gãy, chỉ rách môi và vài răng lung lay. Vết bầm thì khắp người. Anh phải nằm tịnh dưỡng suốt 15 ngày mới đi lại được.

Nhân câu chuyện thương tâm trên, mới có truyền miệng giai thoại: ”một hạt đậu, hai người khiêng”. Không phải là hạt đậu to nặng đến hai người khiêng, mà phải khiêng người ăn hạt đậu. Một câu chuyện cười ra nước mắt, mà chỉ chế độ vô nhân Xã hội chủ nghĩa mới có. Riêng với Lộc, đó là một biến cố ảnh hưởng sâu xa đến nội tâm anh. Mặc cảm một nhà sư phạm ăn lén vẫn là hình ảnh không đẹp, mặc dù những bức bách của tình thế. Bài thơ sau đây anh làm lúc nằm dưỡng bệnh ở nhà Ri:

*Ông Trời sao quá bất công
Riêng tôi gánh chịu đau thương quá nhiều
Quyết tâm phấn đấu bao nhiêu
Bấy nhiêu tù tội, đói nghèo, đau thương
Mẹ già một nắng hai sương
Chất chiu dành dụm trăm đường lo toan
Nào là món nợ của con
Vượt biên vay mượn lãi dồn càng cao
Thăm nuôi mẹ phải lao đao
Thân già nuôi trẻ biết bao đoạn trường
Sao con không nghĩ mẹ thương.
Thèm chi hạt đậu, mà vương trận đòn.
Yếu đau, thân thể hao mòn
Để mẹ lo lắng, để con hận đời.*

Từ ngày bị trận đòn, Lộc trở nên lầm lì, ít nói. Bạn bè không còn được anh kể chuyện kiếm hiệp Kim Dung. Anh gầy đi, thỉnh thoảng lên cơn đau bụng. Nước da tái dần. Anh phải đi nằm bệnh xá và ít lâu sau được phóng thích vì lý do sức khỏe. Nổi mừng được sum họp với mẹ làm anh phấn khởi và tiếp tục phấn đấu để kiến tạo tương lai. Nhưng một tháng sau, mẹ anh đã vĩnh viễn ra đi sau hai ngày nằm cấp cứu ở bệnh viện Đa khoa Đà-nẵng vì nhồi máu cơ tim. Nổi buồn mất mẹ làm anh nằm rù liệt trên giường mất cả tuần Song anh chỗi dậy, mặc dù sức khỏe kém, mở các lớp Anh văn dạy, để lấy tiền. Trong một năm, công việc làm ăn của anh rất hanh thông. Lớp học anh đông vì thiên hạ đang chuẩn bị vốn Anh ngữ để được nhận đi Mỹ theo chương trình ODP. Chính anh cũng ráo riết nộp đơn để chớp lấy cơ hội ngàn năm một thuở.. Với khả năng Anh văn lưu loát, anh thuyết phục phái đoàn phỏng vấn Hoa-kỳ dễ dàng để được nhận đi qua Mỹ đợt đầu.

Cùng đi với anh có người vợ mới cưới, chị Hoa. Chị là học trò cũ của anh, đã mướn phục anh từ lâu. Chính chị đã bỏ tiền ra săn sóc cho anh. Sức khỏe anh có khôi phục đôi phần, nước da bớt tái. Song anh biết bệnh anh trầm trọng mà chỉ ở Mỹ mới đủ phương tiện cứu anh thoát tay tử thần. Chính vì lý do đó mà anh phấn đấu hết mình để được ra đi sớm, nhưng số mệnh khắc nghiệt vẫn không tha cho anh. Anh được phái đoàn Mỹ cấp vé máy bay từ Đà-nẵng vào Saigon ngày Chúa nhật tháng 9-89. Sáng thứ hai anh đến cơ quan Mỹ nhận giấy tờ để lên máy bay đi Mỹ ngày thứ ba. Song tối thứ hai ấy anh lên cơn đau bụng cấp cứu. Được chở vào Bệnh viện Chợ Rẫy, anh chết vào lúc nửa khuya, chỉ một mình chị Hoa đứng ở đầu giường. Sau này Bệnh viện cho hay là anh chết vì xuất huyết nội trầm trọng. Có một Bác sĩ, bạn Lộc ở Đà-nẵng quả quyết có nghe tiếng xì (souffle) vùng gan, mà anh nghi là có anévrysme trong gan của Lộc, hậu quả của cuộc bề hội đồng trong trại tù. Xuất huyết nội của Lộc chắc là do vỡ Anévrysme trong gan.

Chị Hoa sau tang lễ chồng, ngâm ngùi lên máy bay định cư ở tiểu bang Chicago. Chị vẫn ở vậy thờ chồng và thường năm về viếng mộ anh ở nghĩa địa gia đình họ Võ, làng Xuyên Trà, Duy Xuyên. Cách đây ít năm chị có khoe tôi là đã xây cất cho Lộc một nhà mồ khang trang. Trên mộ chí có ghi bài thơ Đường anh làm:

*Tôi cố sống sao đúng kiếp người
Kiếp người bi thảm lắm ai ơi
Hỏi tra triết học thêm nghi hoặc
Tìm kiếm văn chương lại rối bời
Vật chất vẫn minh nhiều kẻ chuộng
Tinh thần tôn giáo ít người noi
Đâu là chân lý đi tìm mãi
Bí mật huyền cơ tận cuối đời.*

Nếu Lộc được cái may đến bến bờ tự do, chắc anh sẽ có nhiều đóng góp với văn học hải ngoại. Cũng có thể anh sẽ sống yên lành, chỉ chia xẻ tâm tình với vài bạn hữu. Anh là người ham học hỏi, tìm ý nghĩa cuộc sống. Đau khổ cho anh cảm nhận sâu sắc cuộc sống phù du và anh trân quý những biểu tượng đẹp. Hành động đẹp, tư tưởng đẹp mà không cần một hệ qui chiếu nào. Nói như Lâm ngữ Đường, sau một thời theo những qui tắc luân lý Thiên chúa giáo, đã trở về với cội nguồn triết lý Khổng Mạnh: Tại sao chúng ta không làm một cử chỉ đẹp chỉ vì nó đẹp? Anh sống hòa hợp với mọi người và thấy khía cạnh tốt đẹp của họ hơn là chê bai, đả kích Anh thấy chung quanh mình bao nhiêu người, tài hoa đa dạng, đang cố làm đẹp cuộc đời, chú không phải đi tìm bất tử. Biết bao nhiêu tài hoa trong quá khứ, chết đi mà không để lại cho loài người dấu vết gì, mặc dù họ sống rất đẹp. Anh cũng có cái nhìn bao dung cho những bài thơ con cóc, và chỉ thấy ở đó sự chơn chất của những người bình dị. Tuy cuộc đời anh xui tận mạng, song anh vẫn phấn đấu làm đẹp cuộc đời. Anh chống đối đến cùng những thế lực làm xấu cuộc đời, như chế độ Cộng sản, bằng những vũ khí mình có được, là những hiểu biết uyên bác và đôi khi với mĩa mai, chế riều.